TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/DS-ST

Ngày: 20-01-2026

"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đường Thanh Chánh

2. Ông Nguyễn Văn Hơn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2025/TLST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2025, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hồ Văn V, sinh năm 1961. Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông Võ Nhựt T1, sinh năm 2005. Địa chỉ cư trú: ấp G, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Ông V có mặt, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2025 của bà Bùi Thị T; lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên toà của người đại diện theo uỷ quyền là ông Hồ Văn V có nội dung:*

Bà Bùi Thị T yêu cầu ông Võ Nhựt T1 có nghĩa vụ trả tiền vay còn thiếu: Tổng cộng: 207.912.000 đồng.

- Tiền nợ gốc: 200.000.000 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 27/8/2025 đến ngày xét xử là ngày 20/01/2026, mức lãi 0.83%/tháng, số tiền: 7.912.000 đồng.

Về lý do khởi kiện: Do mối quan hệ quen biết nên bà T có cho ông T1 vay số tiền 200.000.000 đồng, vào ngày 16/8/2025, ông T1 có lập giấy vay tiền và cam kết trả nợ, thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày 16/8/2025, không T1hoả thuận lãi suất vay. Bà T đã trực tiếp giao số tiền 200.000.000 đồng (bằng tiền mặt) cho ông T1, giao trước khi ông T1 ký giấy vay tiền (ngay sau khi bà T giao tiền xong rồi ông T1 ký giấy vay tiền nêu trên liền), giao trực tiếp tại nhà của bà T. Trường hợp bà T không đưa tiền cho ông T1 nhưng ông T1 không yêu cầu huỷ giấy vay tiền đã ký là không có căn cứ.

** Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Võ Nhựt T1 là ông Nguyễn Thanh H trình bày trong quá trình tố tụng:*

Ông Võ Nhựt T1 thừa nhận chữ ký, chữ viết trên "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" lập ngày 16/8/2025 do phía nguyên đơn cung cấp đúng là chữ ký, chữ viết của ông T1 nhưng trên thực tế, sau khi ông T1 ký giấy này phía bà T vẫn chưa giao số tiền 200.000.000 đồng cho ông T1. Ông T1 chỉ nghĩ rằng sau khi ký giấy 01 hay 02 ngày sau thì bà T sẽ giao tiền nhưng sau đó do có người kiếm ông T1 đòi nợ, ông T1 bỏ đi nơi khác làm nên không có cơ hội gặp bà T để nhận tiền vay cũng

không có cơ hội yêu cầu bà T huỷ giấy vay tiền. Ông T1 vẫn còn đi làm xa cho đến nay.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, ông T1 không đồng ý.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phát biểu cho rằng:*

Về thủ tục tố tụng: Toà án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điển 35, điểm a Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 68, 96, 196, 203, 204, 205 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn vắng mặt tại phiên toà, có đơn xin vắng, thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97, 143, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay còn thiếu tính đến ngày 20/01/2026: 207.912.000 đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc: 200.000.000 đồng; Tiền lãi: 7.912.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Bùi Thị T, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Trong đó xác định bà Bùi Thị T là nguyên đơn (do ông Hồ Văn V là người đại diện theo uỷ quyền), ông Võ Nhựt T1 là bị đơn (do ông Nguyễn Thanh H là người đại diện theo uỷ quyền); vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 -

Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Thanh H có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1]. Đối với số tiền 200.000.000 đồng mà bà Bùi Thị T yêu cầu:

Bà T cho cung cấp chứng cứ là "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ", ngày 16/8/2025. Phía bị đơn là ông Võ Nhựt T1 thừa nhận có ký, viết vào "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" này nhưng cho rằng không có nhận số tiền 200.000.000 đồng nên không đồng ý trả nợ như phía nguyên đơn bà T yêu cầu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T1 thừa nhận có ký, viết vào "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ", nội dung giấy thể hiện: *"Tôi tên: Võ Nhựt T1, CMND căn cước số: 083205008743. Địa chỉ: G, N vì cần vốn làm ăn nên tôi có thoả thuận vay của chị Bùi Thị T số tiền 200.000.000 Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng. Thời gian trả nợ 10 ngày kể từ ngày mượn. Tôi sẽ hoàn trả số tiền trên. Nếu có gì sai sót tôi xin chiệu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật"*.

Căn cứ trên xác định ngay chính tựa đề "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" cũng như nội dung đều thể hiện đây là giấy thừa nhận có vay tiền và cam kết thực hiện trả nợ của ông T1 chứ không phải là thoả thuận để bắt đầu giao kết hợp đồng sau đó mới thực hiện hợp đồng vay tài sản. Mặc khác, thời gian trả nợ chỉ có 10 ngày kể từ ngày vay tiền, số tiền ông T1 vay của bà T là lớn, ông T1 cho rằng không nhận được tiền vay nhưng không yêu cầu bà T giao ngay số tiền vay là không phù hợp. Đồng thời, kể từ sau ngày 16/8/2025, trường hợp bà T không giao tiền nhưng ông T1 không T1hắc mắc, không có ý kiến về giấy vay tiền hay số tiền chưa được nhận cũng không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết về nội dung này, điều này hoàn toàn không hợp lý.

Mặc khác, phía nguyên đơn cung cấp 02 văn bản xác nhận của người làm chứng là ông T1rần Quốc C và ông Lê Công T1 xác định tại nhà của bà T vào lúc

20 giờ, ngày 16/8/2025, ông T1 có kiểm đếm và nhận số tiền 200.000.000 đồng của bà T, sau đó thì ký tên vào "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ".

Do ông T1 thừa nhận có viết và ký tên vào "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" nên bà T không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghĩa vụ chứng minh việc viết và ký "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" nhưng không có nhận tiền thuộc về ông T1, Toà án đã ban hành Thông báo giao nộp chứng cứ yêu cầu ông T1 cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày nhưng ông T1 không cung cấp nên lời nại này của ông T1 là không có căn cứ để chấp nhận.

Do ông T1 chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền, bà T yêu cầu ông T1 trả số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ, được chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2]. Đối với việc bà Bùi Thị T yêu cầu trả lãi chậm trả từ ngày 27/8/2025 đến ngày xét xử, mức lãi suất 0.83%/tháng:

Hội đồng xét xử xét thấy: Do "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" không ghi thoả thuận về tiền lãi trong hạn và lãi chậm trả. Tuy nhiên, giấy thể hiện thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày vay. Quá thời hạn trả tiền, bà T yêu cầu ông T1 trả lãi chậm trả của số tiền vốn chưa thanh toán là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp này, thời hạn bắt đầu tính lãi chậm trả được xác định là ngày tiếp theo liền kề của ngày đến hạn trả nợ vay (tức ngày 27/8/2025). Về mức lãi suất bà T yêu cầu 0.83%/tháng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (do các bên không có thoả thuận lãi chậm trả). Cụ thể nguyên đơn yêu cầu được tính như sau: 200.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 04 tháng 23 ngày (từ 27/8/2025 đến ngày 20/01/2026) = 7.912.000 đồng.

Buộc ông T1 phải trả cho bà T tổng số tiền là: 207.912.000 đồng.

Ông T1 phải chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả tiền cho bà T.

Các bên không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T.

Cụ thể tuyên:

[1]. Buộc ông Võ Nhựt T1 phải trả cho bà Bùi Thị T tổng số tiền vay tài sản còn thiếu là 207.912.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu chín trăm mười hai nghìn đồng). Trong đó: Số tiền gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); tiền lãi chậm trả tính từ ngày 27/8/2025 đến ngày 20/01/2026, mức lãi suất 0.83% là: 7.912.000 đồng (bảy triệu chín trăm mười hai nghìn đồng).

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Võ Nhựt T1 phải nộp 10.395.600 đồng (mười triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Bùi Thị T tiền tạm ứng án phí 5.083.000 đồng (năm triệu không T1răm tám mươi ba nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00010803, ngày 28/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;*
- *THADS tỉnh Vĩnh Long;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thuý Hằng